

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2021/DS-ST

Ngày: 08/3/2021.

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thành Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Chí
2. Bà Châu Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa : Bà Lê Thị Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2021, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 498/2020/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXXST- DS ngày 15 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2021/QĐST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S ; có trụ sở tại: (Lầu 8), 266-268 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Phạm Hoàng T; địa chỉ: Số 324 đường Phạm Hùng, Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số 164/2020/GUQ-PGD XC ngày 26/10/2020).(Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Bà Trần Lê Hoàng Bảo N ; địa chỉ: Số B4 đường Q, Phường T, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S và lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ông Lê Phạm Hoàng T trình bày:

Ngày 25/4/2016 Bà Trần Lê Hoàng Bảo N có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (Sau đây được viết tắt là Hợp đồng) với Ngân hàng TMCP S (sau đây được viết tắt là Ngân hàng) – Chi nhánh Quận 8-PGD Xóm Củi. Hợp đồng bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng do bà N ký ngày 25/4/2016 và được Ngân hàng phê duyệt vào ngày 04/5/2016; bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng có hiệu lực ngày 21/9/2015. Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà N, loại thẻ tín dụng quốc tế Visa PayWave Cre Classic, số thẻ 472074-0961 với hạn mức sử dụng 15.000.000 đồng, mục đích là tiêu dùng cá nhân. Mức lãi suất Ngân hàng áp dụng là 2,6%/ tháng. Lãi suất quá hạn được tính bằng 150% lãi suất lãi suất được công bố áp dụng vào thời điểm hiện tại. Các khoản nợ được thể hiện trên thông báo giao dịch. Sau khi được cấp thẻ tín dụng bà N đã thực hiện các giao dịch và được Ngân hàng chấp nhận với tổng số tiền là 391.605.797 đồng. Bà N đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền là 381.892.018 đồng. Kể từ ngày 31/12/2019 bà N không tiếp tục trả nợ, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ khoản dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Do bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 10/11/2020 Ngân hàng đã có đơn khởi kiện yêu cầu bà N phải thanh toán khoản nợ và lãi suất phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tính đến ngày 08/3/2021 bà N còn nợ khoản nợ thẻ tín dụng đã sử dụng với số tiền là 25.692.713 đồng, trong đó nợ gốc là 17.785.331 đồng, nợ lãi quá hạn là 7.907.382 đồng. Ngân hàng yêu cầu bà N trả toàn bộ số nợ trên làm một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Yêu cầu bà N tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi phát sinh của thẻ tín dụng Visa PayWave Cre Classic, số thẻ 472074-0961, theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi hoàn tất việc trả nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản và giấy triệu tập của Tòa án cho bị đơn là Bà Trần Lê Hoàng Bảo N tại địa chỉ số B4 đường Q, Phường T, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh nh, nhưng bị đơn không đến Tòa trong các buổi mời làm việc và vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không lấy được lời khai của bị đơn cũng như Tòa án không nhận được các tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp. Tòa án vẫn tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 28/12/2020 và gửi cho bị đơn thông báo kết quả các phiên họp (Đính kèm theo thông báo là các tài liệu, chứng cứ được công bố tại phiên họp, trừ hồ sơ pháp lý liên quan đến hoạt động của Ngân hàng). Do bị đơn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa

giải được và nguyên đơn có yêu cầu Tòa án không tiếp tục tổ chức phiên hòa giải. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn Ông Lê Phạm Hoàng T vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn Bà Trần Lê Hoàng Bảo N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thụ lý đúng thẩm quyền; tổng đạt cho đương sự; tiến hành phiên hòa giải; thời hạn chuẩn bị xét xử; quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi quyết định, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Căn cứ Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng ngày 25/4/2016 thể hiện Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho bà N thẻ tín dụng quốc tế Visa PayWave Cre Classic, số thẻ 472074-0961 với hạn mức sử dụng 15.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Trong quá trình sử dụng thẻ bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Căn cứ bản sao kê do Ngân hàng cung cấp, bà N còn nợ Ngân hàng số tiền tính đến ngày 08/3/2021 là 25.692.713 đồng, trong đó nợ gốc là 17.785.331 đồng, nợ lãi quá hạn là 7.907.382 đồng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà N thanh toán khoản nợ trên và yêu cầu bà N tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/4/2016 là có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng thương mại cổ phần S có đơn khởi kiện yêu cầu Bà Trần Lê Hoàng Bảo N trả toàn bộ khoản nợ phát sinh từ giao dịch sử dụng thẻ tín dụng là 25.692.713 đồng bao gồm cả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng ký ngày 25/4/2016. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, nên căn cứ Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường 8, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh thể hiện Bà Trần Lê Hoàng Bảo N có đăng ký thường trú tại địa chỉ Số B4 đường Q, Phường T, quận G nhưng đã bán nhà đi khỏi địa phương từ năm 2011 đến nay, không rõ địa chỉ nơi đến. Như vậy, bà N thay đổi nơi cư trú không báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định luật cư trú đã thể hiện nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Ngân hàng đã ghi đúng địa chỉ của bà N trong đơn khởi kiện theo địa chỉ tại Hợp đồng tín dụng, việc bà N thay đổi nơi cư trú mà không báo cho Ngân hàng biết địa chỉ nơi cư trú mới, cũng được coi là cố tình giấu địa chỉ theo hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định địa chỉ của bị đơn tại quận G, TP. Hồ Chí Minh. Căn cứ theo quy định tại Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn xác định tranh chấp khoản nợ vay là giao dịch giữa Ngân hàng với bà N. Do đó Ngân hàng chỉ yêu cầu bà N trả nợ mà không yêu cầu cá nhân nào khác cùng có trách nhiệm trả nợ với bà N là phù hợp với nội dung thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và phù hợp với quy định của Pháp luật về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự được quy định tại Khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm (có đơn xin vắng mặt). Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Theo quy định tại điểm a, b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán đối với khoản nợ vay và tiền lãi của Hợp đồng tín dụng ký ngày 25/4/2016, thẻ tín dụng quốc tế Visa PayWave Cre Classic, số thẻ 472074-0961, tính đến ngày 08/3/2021 là 25.692.713 đồng, trong đó nợ gốc là 17.785.331 đồng, nợ lãi quá hạn là 7.907.382 đồng. Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện do nguyên đơn cung cấp gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng do bà N ký ngày 25/4/2016 và được Ngân hàng phê duyệt vào ngày 04/5/2016; bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng có hiệu lực ngày 21/9/2015;

bảng mô tả thay đổi nội dung về biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ tín dụng Sacombank; bản sao kê chứng minh khoản tiền giao dịch và thanh toán nợ của khách hàng, đối chiếu các văn bản, tài liệu khác của Ngân hàng đủ cơ sở xác định giữa Ngân hàng với Bà Trần Lê Hoàng Bảo N có ký kết với nhau Hợp đồng tín dụng ngày 25/4/2016, đã được Ngân hàng phê duyệt vào ngày 04/5/2016 và cấp thẻ tín dụng cho bà N thẻ tín dụng quốc tế Visa PayWave Cre Classic, số thẻ 472074-0961 với hạn mức sử dụng 15.000.000 đồng, mục đích là tiêu dùng cá nhân. Mức lãi suất Ngân hàng áp dụng đối với khoản nợ vay của bà N là 2,6%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất được công bố được áp dụng tại thời điểm hiện tại. Các khoản nợ được thể hiện trên thông báo giao dịch. Xét nội dung thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng tín dụng nêu trên về khoản nợ vay, lãi suất và trách nhiệm trả nợ phù hợp với quy định tại Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 17 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước và thỏa thuận lãi suất phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”* và phù hợp với quy định tại Điều 7 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Theo chứng cứ nguyên đơn cung cấp, tại bản sao kê tài khoản chứng minh giao dịch và thanh toán của khách hàng theo hợp đồng tín dụng ký ngày 25/4/2016, thể hiện sau khi được cấp thẻ tín dụng số tiền bà N thực hiện các giao dịch và được Ngân hàng chấp nhận với tổng số tiền là 391.605.797 đồng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng bà N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 381.892.018 đồng. Kể từ ngày 31/12/2019 bà N không tiếp tục thanh toán khoản nợ thẻ tín dụng cho Ngân hàng. Bà N không trả nợ nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ với bà N theo quy định tại Điều 2 của bản điều khoản và điều kiện và chuyển khoản dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn kể từ ngày 30/4/2020, việc chuyển nợ quá hạn phù hợp với quy định tại Điều 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng. Do bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà N thực hiện việc nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Bà N không đến Tòa, không có lời khai, không cung cấp chứng cứ để xác nhận hoặc phản bác yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bà N đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định. Theo Khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Hội đồng xét xử căn cứ hợp đồng tín dụng ký ngày 25/4/2016 đã được Ngân hàng phê duyệt ngày 04/5/2016, bản điều khoản và điều kiện; các chứng cứ trong hồ sơ vụ kiện do nguyên đơn cung cấp để xác định bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu bà N thanh toán khoản nợ thẻ và tiền lãi tính đến ngày 08/3/2021 là 25.692.713 đồng, kể từ ngày 09/3/2021 yêu cầu bà N tiếp tục trả tiền lãi quá hạn trên số nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất nợ quá

hạn tại Hợp đồng tiền lãi quá hạn trên số nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất nợ quá hạn tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết ngày 25/4/2016 là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về thời hạn và phương thức thanh toán.

Xét thấy, Bà Trần Lê Hoàng Bảo N vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận mà các bên ký kết đã gây thiệt hại cho nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc và tiền lãi phát sinh nêu trên làm một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Bà Trần Lê Hoàng Bảo N trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S toàn bộ khoản nợ gốc và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 08/3/2021 là 25.692.713 đồng, trong đó nợ gốc là 17.785.331 đồng, nợ lãi quá hạn là 7.907.382 đồng, phát sinh theo Hợp đồng tín dụng bà N ký ngày 25/4/2016 và được Ngân hàng phê duyệt ngày 04/5/2016, thẻ tín dụng quốc tế Visa PayWave Cre Classic, số thẻ 472074-0961. Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 09/3/2021 Bà Trần Lê Hoàng Bảo N phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán khoản nợ là 25.692.713 đồng được Tòa án chấp nhận toàn bộ, nên theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự với mức thu là (5% của giá trị tranh chấp) 1.284.636 đồng.

Ngân hàng thương mại cổ phần S không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 546.366 đồng theo biên lai thu số AA/2019/0027393 ngày 18/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 2 Điều 17 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước;

- Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

1. Buộc Bà Trần Lê Hoàng Bảo N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S toàn bộ khoản nợ gốc và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 08/3/2021 là 25.692.713 đ (Hai mươi lăm triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn bảy trăm mười ba đồng), trong đó nợ gốc là 17.785.331 đồng, nợ lãi quá hạn là 7.907.382 đồng, phát sinh theo Hợp đồng tín dụng (Gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng do bà N ký ngày 25/4/2016 và được Ngân hàng phê duyệt vào ngày 04/5/2016; bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng có hiệu lực ngày 21/9/2015), thẻ tín dụng quốc tế Visa PayWave Cre Classic, số thẻ 472074-0961. Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 09/3/2021 Bà Trần Lê Hoàng Bảo N phải tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Lê Hoàng Bảo N phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 1.284.636đ (Một triệu hai trăm tám mươi bốn nghìn sáu trăm ba mươi sáu đồng).

- Ngân hàng thương mại cổ phần S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 546.366 đồng theo biên lai thu số AA/2019/0027393 ngày 18/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần S và Bà Trần Lê Hoàng Bảo N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Thành Huế

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thành Huế